

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6480201
TRÌNH ĐỘ : CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo quyết định số: 162/QĐ-CĐCS ngày 29 tháng 4 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*

Bình Phước, Năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành, nghề: Công nghệ thông tin

Mã ngành, nghề: 6480201

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 3 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng là ngành, nghề thực hiện: Bảo trì máy tính (Lập kế hoạch, triển khai sửa chữa bảo hành, bảo trì máy tính, bảo vệ dữ liệu, xử lý sự cố máy tính,...); Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin (Quản lý, vận hành các hệ thống dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin), Quản trị hệ thống phần mềm (Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu của phần mềm...); Quản trị cơ sở dữ liệu (nhận, xử lý và trích lọc dữ liệu, kết xuất dữ liệu,...); Dịch vụ khách hàng (Xử lý thông tin về ứng dụng, sản phẩm Công nghệ thông tin, cung cấp hỗ trợ phần cứng máy tính, phần mềm, và thiết bị ngoại vi khi cần thiết); Lập trình ứng dụng (phần mềm ứng dụng, thiết kế web); Quản trị mạng máy tính (đảm bảo tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng). Công nghệ thông tin trình độ cao đẳng đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Công nghệ thông tin có thể làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp có sử dụng máy tính, ứng dụng công nghệ thông tin. Các doanh nghiệp phát triển ứng dụng (với vai trò là người phát triển hệ thống, chuyển giao, hỗ trợ người dùng) hoặc các doanh nghiệp hay tổ chức khác có sử dụng máy tính, hệ thống mạng, thiết bị viễn thông, thiết bị an ninh (với vai trò là người vận hành, bảo trì và sửa chữa).

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Công nghệ thông tin nhằm trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chính trị, pháp luật, xã hội, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất cùng với kiến thức chuyên môn về mạng máy tính, cơ sở dữ liệu, lập trình, phát triển ứng dụng, quản trị hệ thống thông tin và thiết kế web. Người học có khả năng sử dụng thành thạo công cụ tin học cơ bản, kết nối và vận hành hệ thống máy tính – mạng máy tính, phát triển và triển khai các ứng dụng, xây dựng và quản trị cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quy mô vừa và nhỏ; đồng thời có năng lực tư vấn, hỗ trợ khách hàng, làm việc nhóm hiệu quả và sử dụng ngoại ngữ ở mức cơ bản phục vụ chuyên môn. Sau khi tốt nghiệp, người học có phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, có khả năng tự chủ, chịu trách nhiệm về công việc cá nhân và nhóm, biết hướng dẫn, giám sát người khác, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, đáp ứng nhu cầu nhân lực CNTT cho các doanh nghiệp và tổ chức.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1 Kiến thức:

- Trình bày được kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet, quản trị mạng;
- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;
- Trình bày chính xác các kiến thức căn bản về công nghệ thông tin;
- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính;
- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu;
- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu;
- Đánh giá được quy mô, hiện trạng của mạng máy tính;
- Trình bày đúng nguyên lý hoạt động của mạng máy tính, quản trị mạng máy tính;
- Trình bày được các kiến thức về lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế web;
- Trình bày được kiến thức về công nghệ phần mềm
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2 Kỹ năng:

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng quy trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh;
- Hỗ trợ, tìm hiểu được nhu cầu của khách hàng, tư vấn cho khách hàng, hình thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;
- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc;
- Hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, cháy, nổ, chập điện, an toàn lao động;
- Xây dựng được các bài thuyết trình, thảo luận, làm chủ tình huống;
- Phát triển được ứng dụng, sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao;
- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;

- Thiết kế, xây dựng được hệ thống mạng cơ bản;
- Xây dựng được các hệ thống thông tin đáp ứng kỳ vọng của khách hàng;
- Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp;
- Quản lý được nhóm, giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ

- Thực hiện trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền; thực hiện công việc cần cù chịu khó và sáng tạo; thực hiện công việc đúng kỷ luật lao động của tổ chức và thực hiện đúng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;

- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Phân loại các phế phẩm như thiết bị phân cứng máy tính, mực in,... vào đúng nơi quy định tránh ô nhiễm môi trường.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của nghề bao gồm:

- Bảo trì máy tính;
- Khai thác dịch vụ công nghệ thông tin;
- Quản trị hệ thống phần mềm;
- Quản trị cơ sở dữ liệu;
- Dịch vụ khách hàng;
- Lập trình ứng dụng;
- Quản trị mạng máy tính.
- Thiết kế đồ họa vi tính.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.305/94 (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: 29
- Khối lượng học tập các môn học chung: 435/19 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.870/75 (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: 692 (giờ); thực hành, thực tập: 1.560 (giờ)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
----	-------------	--------------

I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Khả năng hiểu biết chính trị, pháp luật, an ninh, quốc phòng
2	NLCB-02	Tự rèn luyện sức khỏe
3	NLCB-03	Đọc, hiểu các tài liệu tiếng Anh thông thường
4	NLCB-04	Làm việc hiệu quả trong nhóm
5	NLCB-05	Giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng
6	NLCB-06	Sử dụng tin học cơ bản
7	NLCB-07	Kết nối các thiết bị ngoại vi
8	NLCB-08	Thiết lập, sử dụng mạng máy tính cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
11	NLCL-01	Lắp ráp, bảo trì, cài đặt phần mềm cho máy tính
12	NLCL-02	Thiết kế sơ đồ hệ thống mạng
13	NLCL-03	Lựa chọn thiết bị mạng
14	NLCL-04	Cài đặt hệ điều hành mạng
15	NLCL-05	Cài đặt, thiết lập cấu hình dịch vụ mạng cơ bản
16	NLCL-06	Quản lý tài nguyên mạng nội bộ
17	NLCL-07	Thiết kế giao diện web
18	NLCL-08	Thiết kế giao diện trang quản trị
19	NLCL-09	Lập trình giao diện người dùng web
20	NLCL-10	Lập trình giao diện trang quản trị
21	NLCL-11	Triển khai ứng dụng web lên server
22	NLCL-12	Quản trị nội dung website
23	NLCL-13	Sao lưu và phục hồi dữ liệu website
24	NLCL-14	Mô hình hóa dữ liệu
25	NLCL-15	Thiết kế cơ sở dữ liệu
26	NLCL-16	Cài đặt hệ quản trị cơ sở dữ liệu
27	NLCL-17	Xây dựng cơ sở dữ liệu
28	NLCL-18	Thực hiện sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu
29	NLCL-19	Thiết kế giao diện phần mềm ứng dụng
30	NLCL-20	Lập trình chức năng cho các mô đun ứng dụng
31	NLCL-21	Sử dụng công cụ xử lý ảnh đáp ứng công việc thiết kế ấn phẩm vi tính
32	NLCL-22	Phân tích màu, phối màu, lựa chọn màu sắc logic trong thiết kế, áp dụng các tiêu chuẩn quy định sử dụng màu trong thiết kế

33	NLCL-23	Thực hiện thao tác với công cụ xử lý văn bản trong ảnh, áp dụng các chuẩn quy định về paragraph
34	NLCL-24	Thực hiện xuất bản và in ấn sản phẩm
35	NLCL-25	Sử dụng công cụ đa phương tiện để xử lý ảnh, video phục vụ thiết kế sản phẩm trực quan
36	NLCL-26	Vận dụng nguyên lý thiết kế và UI/UX cơ bản trong tạo giao diện web/app
37	NLCL-27	Nhận diện, đánh giá rủi ro an toàn thông tin
38	NLCL-28	Cấu hình các công cụ, phần mềm bảo mật cơ bản
39	NLCL-29	Vận dụng kỹ thuật Prompt trong phát triển ứng dụng phần mềm
40	NLCL-40	Thiết kế quy trình tự động hóa với AI
III	Năng lực nâng cao	
41	NLNC-01	Sửa chữa các sự cố máy tính
42	NLNC-02	Lắp đặt, cấu hình các thiết bị mạng
43	NLNC-03	Quản trị các đối tượng mạng nội bộ
44	NLNC-04	Phân quyền truy cập hệ thống cơ sở dữ liệu
45	NLNC-05	Xây dựng tài liệu về cơ sở dữ liệu
46	NLNC-06	Xây dựng prototype đơn giản có tính tương tác để kiểm thử trải nghiệm người dùng
47	NLNC-07	Phân tích, xử lý và khắc phục sự cố bảo mật
48	NLNC-08	Tích hợp giải pháp AI vào hệ thống ứng dụng

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	19	435	155	269	11
MH01	Tiếng Anh	4	120	40	78	2
MH02	Tin học	3	75	15	58	2
MH03	Giáo dục chính trị	5	75	41	32	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
MH04	Pháp luật	2	30	18	11	1
MH05	Giáo dục quốc phòng - An ninh	3	75	36	37	2
MH06	Giáo dục thể chất	2	60	5	53	2
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	75	1,870	537	1291	42
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	13	270	138	122	10
MĐ07	Xử lý văn bản	2	60	24	34	2
MĐ08	Lập trình cơ bản	3	60	30	28	2
MĐ09	Sử dụng bảng tính	2	60	24	34	2
MH10	Cơ sở Dữ Liệu	3	45	30	13	2
MĐ11	Cấu Trúc Dữ Liệu	3	45	30	13	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	62	1,600	399	1,169	32
MĐ12	Cài đặt lắp ráp máy tính	4	90	30	58	2
MĐ13	Thiết kế đồ họa Photoshop	2	60	15	43	2
MĐ14	My SQL	3	75	30	43	2
MĐ15	Thiết kế đồ họa CorelDRAW	3	75	15	58	2
MĐ16	Mạng Căn bản	3	60	30	28	2
MĐ17	Quản trị mạng Windows Server	3	75	15	58	2
MĐ18	Lập trình Web (Frontend)	5	120	30	88	2
MĐ19	Thiết kế đồ họa với Canva	2	30	9	19	2
MĐ20	Phát triển ứng dụng Web (Backend)	4	90	30	58	2
MĐ21	Quản trị mạng máy tính	4	90	30	58	2
MĐ22	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3	75	30	43	2

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm	Thi/ Kiểm tra
MĐ23	Phát triển Ứng dụng Fullstack	4	90	30	58	2
MĐ24	Lập trình Mobile	3	75	30	43	2
MĐ25	Đa phương tiện & Thiết kế UI/UX	4	90	30	58	2
MĐ26	AI ứng dụng (Kỹ thuật Prompt và tự động hóa quy trình)	3	60	30	28	2
MĐ27	An toàn thông tin & bảo mật	3	60	15	43	2
MĐ28	Thực tập chuyên sâu	4	160		160	
MĐ29	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225	
Tổng cộng		94	2,305	692	1,560	53

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Việc giảng dạy các môn học chung bắt buộc

- Giáo dục chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Ngoại ngữ thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTĐBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 26/09/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Trong trường hợp Bộ LĐTBXH ban hành các Thông tư thay thế thì áp dụng theo Thông tư mới hiện hành.

Giáo dục quốc phòng và an ninh sinh viên được học tại Trường quân sự Quân đoàn 4 theo quy định của Bộ quốc phòng.

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo niên chế

- Đào tạo theo niên chế là phương thức tổ chức đào tạo theo năm học với lớp học tương đối cố định trong toàn khóa học, cho phép sinh viên cùng lớp thực hiện theo một kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu chung, thống nhất

- Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun. Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo niên chế được thực hiện trong ba năm học

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo từng học kỳ

- Sinh viên phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp để xét tốt nghiệp (trừ những trường hợp được làm khóa luận tốt nghiệp)

7.3. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với đào tạo theo phương pháp tích lũy mô-đun hoặc tích lũy tín chỉ

- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn

thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình.

- Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô-đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng bảo đảm lớp học tích hợp, thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

- Trước mỗi học kỳ, người học phải đăng ký học tập theo quy chế đào tạo của trường

- Điểm của môn học, mô-đun theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân được chuyển thành điểm chữ

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 6 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành/tích hợp/thực tập là 60 phút

- Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc bằng 45 giờ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian người học tự học, tự chuẩn bị có hướng dẫn là điều kiện cần để người học có thể tiếp thu được kiến thức, kỹ năng của nghề nhưng không được tính để quy đổi ra tín chỉ trong chương trình đào tạo.

- Học phí thu theo môn học, mô-đun

- Sinh viên không phải tham gia kỳ thi tốt nghiệp, sau khi tích lũy đủ môn học, mô-đun theo quy định của chương trình thì nhà trường xét tốt nghiệp

7.4. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo với những nội dung có thể thực hiện bằng hình thức trực tuyến

- Các phần lý thuyết và những nội dung có thể thực hiện trực tuyến được triển khai thông qua các nền tảng học trực tuyến.

- Sử dụng các công cụ giảng dạy trực tuyến như video bài giảng, tài liệu điện tử, diễn đàn thảo luận và bài tập trực tuyến.

- Kiểm tra trực tuyến và bài tập nộp trực tuyến, sử dụng các công cụ kiểm tra và đánh giá trực tuyến để đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

- Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo quy định của nhà trường (Quy chế số 432/QC-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng về Quy định đào tạo trực tuyến). Diễn biến của buổi thi trực tuyến phải được ghi hình, ghi âm và xuất in kết quả bài thi để lưu trữ theo quy định.

7.5. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để người học có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa tại trường và tại một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo, thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Sinh hoạt, học tập chính trị đầu khóa, phổ biến các quy chế đào tạo, nội quy của trường và lớp học	Tuần đầu của khoá học
2	Thể dục, thể thao	- Từ 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
3	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	- Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) - Thông qua các hoạt động, các phong trào của Đoàn trường triển khai
4	Hoạt động thư viện: Đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
5	Vui chơi, giải trí và các hoạt động khác	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào ngoài giờ lên lớp
6	Trải nghiệm thực tế về các vị trí làm việc, môi trường đi làm tại công ty, doanh nghiệp gắn với ngành nghề của HSSV	Học kỳ 1 của thời gian đào tạo
7	Hoạt động về nguồn, ngoại khóa	Mỗi khoá 1 lần
8	Hoạt động tuyên truyền, giáo dục (giới tính, sức khoẻ sinh sản, luật an toàn giao thông, bạo lực học đường, phòng chống mại dâm, ma túy....)	Phòng CTSV chịu trách nhiệm phối hợp với đoàn thanh niên và Ban nữ công tổ chức lồng ghép trong chào cờ hàng tháng
9	Học tập kỹ năng:	Giao cho Phòng CTSV chủ trì, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện. Nội dung kỹ năng

Stt	Nội dung	Thời gian
	<ul style="list-style-type: none"> - Văn hoá học đường - Kỹ năng học tập hiệu quả - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng số - Kỹ năng tìm kiếm việc làm - Tiếng Trung 	văn hoá học đường, Kỹ năng học tập hiệu quả nhà trường chịu trách nhiệm tổ chức miễn phí. Các kỹ năng còn lại sẽ thu phí lấy thu bù chi.
10	Lao động	Giao Phòng CTSV chủ trì phối hợp cùng phòng TCHC phân công định kỳ hàng tháng

7.6. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.7. Thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo và quy chế thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp hiện hành của nhà trường.

7.8. Các hướng dẫn khác:

Trong quá trình tổ chức đào tạo nếu có phát sinh các nội dung liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo, nhà trường sẽ ban hành các hướng dẫn kịp thời để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo hiệu quả, linh động và đạt chất lượng cao nhất.

Bình Phước, ngày 29 tháng 4 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



ThS. Lê Văn Kích

PHÒNG ĐÀO TẠO



Lê Song Hào

KHOA KINH TẾ



Nguyễn Tiến Điền